

XUNG LỰC MỚI CHO MỐI QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC TOÀN DIỆN VIỆT NAM - LIÊN BANG NGA - RÀ SOÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VIỆT - NGA 2001 - 2018

Đình Công Tuấn*

Tóm tắt: Bài viết phân tích khái quát quá trình gần 70 năm qua các giai đoạn lịch sử trong mối quan hệ hợp tác giữa Liên Xô (trước kia) và Liên bang Nga hiện nay với Việt Nam; đồng thời rà soát việc thực hiện các điều ước quốc tế mà hai nước đã ký kết từ năm 2001 đến năm 2018 bao gồm: (i) đánh giá tình hình và kết quả thực hiện điều ước; (ii) đưa ra những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân; (iii) đề xuất các kiến nghị và giải pháp.

Từ khóa: Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt - Nga, điều ước quốc tế song phương, Ủy ban liên Chính phủ

Abstract: This article analysis the process of nearly 70 years of the cooperation relationship between the (former) Soviet Union - the Russia today and Vietnam, through many historical periods. Besides, the article reviews the implementation of international treaty signed by the two countries from 2001 to 2018 includes: (i) assessing the situation and the results of implementing treaties; (ii) analyzing limitations, obstacles and causes; (iii) proposing recommendations and solutions.

Keywords: Vietnam - Russia comprehensively strategic partners, bilateral international treaty, inter-governmental committee.

Việt Nam và Liên bang Nga có mối quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời. Trong lịch sử ngoại giao của Việt Nam, quan

hệ với Liên Xô (trước đây) và Liên bang Nga (ngày nay) luôn có vị trí quan trọng. Đầu năm 2020 sẽ kỷ niệm 70 năm Việt Nam và Liên Xô chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao (30/1/1950 - 30/1/2020) đặc biệt, kỷ niệm 25 năm ký kết Hiệp ước nguyên tắc cơ bản của quan hệ hữu nghị Việt Nga

* PGS. TS, Nghiên cứu Châu Âu

Nhận bài ngày: 2/8/2019

Phản biện xong 10/8/2019

Chức vụ: PGS. TS, Nghiên cứu Châu Âu

(16/6/1994 - 16/6/2019), Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng và Tổng thống Liên bang Nga V.Putin đã trao đổi điện mừng, nhấn mạnh đây là sự kiện trọng đại, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới trong quan hệ hai nước. Trải qua biết bao khó khăn, thách thức và biến động của lịch sử, mối quan hệ giữa hai nước luôn có sự gắn bó đặc biệt, không ngừng phát triển trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, thương mại, đầu tư, quốc phòng, an ninh, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa và du lịch... Mối quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống, đối tác chiến lược toàn diện Việt - Nga sẽ ngày càng phát triển, đi vào chiều sâu, vì lợi ích chung của hai dân tộc, vì hòa bình, ổn định và phát triển tại khu vực và trên thế giới. Bài viết này sẽ khái quát *mối quan hệ hợp tác đối tác chiến lược toàn diện Việt - Nga trong 70 năm qua (1950 - 2020), trong 25 năm (1994 - 2019) hai nước ký kết xây dựng Hiệp ước nguyên tắc cơ bản của quan hệ hữu nghị Việt - Nga* và đặc biệt rà soát lại tình hình thực hiện các điều ước quốc tế song phương ký kết giữa Việt Nam và Liên bang Nga từ 2001 đến 2018. Những thành tựu, khó khăn thách thức, các giải pháp khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy mối quan hệ hai bên cùng phát triển.

1. Những dấu mốc lịch sử trong quan hệ hai nước kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao

1.1. Giai đoạn trước khi thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức (trước năm 1950)

Quan hệ Việt - Nga đã có từ lâu đời, vào giữa thế kỷ XIX, khi tàu thủy của Nga đã cập cảng Sài Gòn¹. Từ năm 1906, tại Sài Gòn đã xuất hiện cơ quan lãnh sự đầu tiên của Nga². Việt Nam và Liên Xô tuy xa cách hàng vạn dặm nhưng hai nước đã có sự tiếp xúc từ rất sớm và trở nên gần gũi hơn từ sau Cách mạng tháng Mười năm 1917 thông qua vai trò của Nguyễn Ái Quốc - người cộng sản đầu tiên ở Đông Dương³. Cho đến trước khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao, rất nhiều các đồng chí lãnh đạo, các bậc tiền bối của cách mạng Việt Nam đã sang Liên Xô học tập, hoạt động cách mạng, đó là Nguyễn Ái Quốc, Trần Phú, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, Lê Hồng Phong, Nguyễn Khánh Toàn, Trần Văn Giàu.... Liên Xô là chiếc nôi nuôi dưỡng, giáo dục, đào tạo và rèn luyện các bậc tiền bối lão thành của cách mạng Việt Nam, giúp Việt Nam trong công

¹ *Quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga (1991-2005)*, [http://www.hcmup.edu.vn/index.php?view=article &catid = 1513% 3Avid-nam-hin-i&id = 2201%3Aquan-he-viet-nam-lien-bang-Nga-1991-2000&tmpl = component&pr...](http://www.hcmup.edu.vn/index.php?view=article&catid=1513%3Avid-nam-hin-i&id=2201%3Aquan-he-viet-nam-lien-bang-Nga-1991-2000&tmpl=component&pr...)

² Bài phát biểu của Đại sứ Nga tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ngày 02/11/2018.

³ *65 năm quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga*. [http://hpn.quangbinh.gov.vn/3cms/ban-in-507.htm?art = 1437971002451](http://hpn.quangbinh.gov.vn/3cms/ban-in-507.htm?art=1437971002451)

cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, tiến tới xây dựng chủ nghĩa xã hội trong tương lai.

1.2. Giai đoạn hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao đến khi Liên Xô sụp đổ (1/1950 - 1991)

Trong bối cảnh cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân pháp xâm lược đang diễn ra ác liệt, tháng 01/1950, Liên Xô và các nước XHCN khác ở Đông Âu và Trung Quốc đã chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam, khẳng định địa vị pháp lý chính đáng của chính thể dân chủ cộng hòa lần đầu tiên được xác lập ở Việt Nam. Suốt 40 năm (1950-1991), trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của nhân dân Việt Nam, Liên Xô luôn giữ cương cao khẩu hiệu “đối với những người cộng sản Liên Xô, đoàn kết với Việt Nam là mệnh lệnh của trái tim và trí tuệ”. Quan hệ Xô - Việt ngày càng được củng cố và phát triển trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, quân sự, quốc phòng, an ninh, văn hóa, giáo dục, khoa học... trên nguyên tắc Marx-Lenin và quốc tế vô sản. Chính phủ và nhân dân Liên Xô đã giúp đỡ rất chân tình cho nhân dân Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước. Sau khi Việt Nam kháng chiến thành công, thống nhất đất nước (1975), Liên Xô vẫn tiếp tục giúp đỡ Việt Nam xây dựng lại đất nước sau nhiều năm bị chiến tranh tàn phá. Đây là

giai đoạn liên minh hợp tác toàn diện giữa hai nước Việt - Xô.

1.3. Giai đoạn nước Nga thay thế vị trí của Liên Xô (1991-1994)

Trong giai đoạn này, hai nước Việt - Nga đều gặp khó khăn, lâm vào khủng hoảng toàn diện.

Năm 1991, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết tan rã. 15 nước cộng hòa thành viên của Liên Xô trở thành những quốc gia độc lập. Riêng Liên bang Nga trở thành nước kế thừa Liên Xô trong các mối quan hệ quốc tế. Đây là thời điểm quan hệ Việt - Nga chuyển sang giai đoạn mới. Quan hệ Việt - Nga từ đây vừa kế thừa, tiếp nối quan hệ Xô - Việt trước đây, vừa có những thay đổi về chất, điều chỉnh căn bản so với quan hệ Xô - Việt: quan hệ trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi và trải qua những thăng trầm. Đây là giai đoạn khó khăn nhất trong quan hệ Việt - Nga. Mối quan hệ lúc này bị ngưng trệ, suy giảm mạnh. Nguyên nhân chủ yếu là do cả hai bên đều xác định lại hệ thống các lợi ích quốc gia của mình, cũng như sự ưu tiên đối ngoại của từng nước đã trở nên rất khác nhau trong bối cảnh quốc tế mới sau Chiến tranh Lạnh. Liên bang Nga theo đuổi chính sách đối ngoại “định hướng Đại Tây Dương”, đặt các nước tư bản phương Tây lên ưu tiên số một. Còn Việt Nam coi cải thiện quan hệ với các nước láng giềng, các nước Đông Nam Á lên hàng đầu.

Mối quan hệ giữa hai nước bị đình trệ, suy giảm nặng nề.

1.4. Giai đoạn 25 năm kỷ kết Hiệp ước nguyên tắc cơ bản của quan hệ hữu nghị giữa CHXHCN Việt Nam với Liên bang Nga (16/6/1994 - 16/6/2019)

Từ năm 1994, Liên bang Nga đã có những điều chỉnh quan trọng, căn bản có tính chất bước ngoặt trong chính sách đối ngoại. Nga đã lấy “*định hướng Âu - Á* (cân bằng quan hệ cả hướng Tây lẫn hướng Đông) thay cho “*định hướng Đại Tây Dương*”, nhằm khắc phục tình trạng phiến diện, đầy ào tưởng trong quan hệ với Mỹ và các nước phương Tây, đồng thời chú trọng trong phát triển quan hệ hợp tác với các nước Châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là các nước SNG, Trung Quốc, Ấn Độ, ASEAN. Trong triển khai chính sách đối ngoại “*định hướng Âu - Á*”, khu vực Đông Nam Á đã được Nga đề cao hợp tác. Nga đã mở rộng quan hệ song phương với từng nước trong ASEAN, đồng thời đã đẩy mạnh hợp tác đa phương với ASEAN. tháng 4/1994, Nga trở thành 1 trong 18 nước tham gia diễn đàn an ninh khu vực ASEAN(ARF) và là 1 trong 10 bên đối thoại đầy đủ của ASEAN vào tháng 7/1996. Đây là giai đoạn quan hệ Việt- Nga được nâng cao về chất. Cơ sở của sự chuyển hướng đó là hai nước đã ký kết “*Hiệp ước về những nguyên tắc cơ bản của quan hệ giữa CHXHCN Việt Nam với Liên bang Nga*” vào ngày 16/6/1994 trong chuyến thăm hữu

ngợi của Thủ tướng Võ Văn Kiệt, thay cho Hiệp ước hữu nghị và Hợp tác Việt - Xô (ký 11/1978) đã hết hiệu lực⁴. Đây là sự kiện quan trọng, mở ra một giai đoạn mới trong quan hệ giữa hai nước. giai đoạn quan hệ theo nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi. Hiệp ước này trở thành nền tảng pháp lý để hai nước xúc tiến quan hệ kiểu mới, khác về chất so với quan hệ Việt - Xô trước đây.

Trong 25 năm qua (1994-2019), mối quan hệ hợp tác giữa hai nước đã được nâng cấp dần dần. *Năm 2001, quan hệ đối tác chiến lược được xác lập và đi vào chiều sâu* Sự kiện đáng chú ý nhất trong giai đoạn này là chuyến thăm Việt Nam đầu tiên của một nguyên thủ quốc gia Nga (kể cả thời Liên Xô) - chuyến thăm của Tổng thống Liên bang Nga V.Putin (28/2 đến 02/3/2001)⁵. Trong chuyến thăm này, hai nước đã ký tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược cùng nhiều văn kiện hợp tác, xác định khuôn khổ pháp lý mới cho hợp tác Việt Nam - Liên bang Nga trên cơ sở tin cậy, chặt chẽ, lâu dài. Mối quan hệ hợp tác toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng - an ninh, văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, du lịch... đều được hai nước thúc đẩy mạnh mẽ, phát triển

⁴ Bộ Ngoại giao Việt Nam, *Quan hệ Việt - Nga: Tinh thần nghị bền chặt qua thời gian*, <http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/nr040807104143/nr040807105001/ms050203085156>

⁵ Hà Mỹ Hương, *Quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga qua 60 năm thăng trầm của lịch sử*, <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=225&print=true>

không ngừng. Nếu như về thương mại, năm 2001 kim ngạch hai bên chỉ đạt 573 triệu USD, thì đến năm 2005, kim ngạch hai bên đã đạt đến 1,019 tỉ USD. Đầu tư của Liên bang Nga vào Việt Nam tính đến năm 2005 có 47 dự án với tổng số vốn là 278 triệu USD, đứng thứ 21/73 các nhà đầu tư vào Việt Nam. Nga đã đầu tư vào 16 tỉnh, thành của Việt Nam. Còn đầu tư của Việt Nam sang Liên bang Nga năm 2005 có 11 dự án với tổng số vốn là 38 triệu USD, chiếm 11% dự án đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài⁶.

Trước những nhu cầu, đòi hỏi của hai bên, để phù hợp với sự hợp tác đối tác chiến lược trong bối cảnh quốc tế mới, ngày 27/12/2012, *Việt Nam và Liên bang Nga đã ra tuyên bố chung về nâng cấp và tăng cường hơn nữa quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Liên bang Nga.*

Trong những năm gần đây, mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Liên bang Nga đã đi vào chiều sâu và ngày càng có hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực. *Việt Nam coi Nga là trụ cột cao trong chính sách đối ngoại với tư cách là nước bạn bè truyền thống, một cường quốc thế giới và đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam đã trở thành đối tác chiến lược quan trọng của Nga tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và đối*

tác hàng đầu ở Đông Nam Á. Giữa hai nước liên tục diễn ra các chuyến thăm hữu nghị chính thức, các cuộc hội đàm, gặp gỡ, trao đổi. Lãnh đạo hai nước có sự nhất trí, có chung quan điểm, nhận thức về nhiều vấn đề quốc tế, cũng như trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á.

Về quan hệ chính trị, giữa hai nước có độ tin cậy cao và không ngừng được củng cố. Trao đổi đoàn cấp cao diễn ra thường xuyên, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước. Gần đây, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã thăm Liên bang Nga từ ngày 5+8/9/2018. Hai bên đã ra bản tuyên bố chung xác lập dấu mốc mới, tạo xung lực mới thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ hữu nghị truyền thống và quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước⁷.

Về hợp tác kinh tế, Việt Nam và Liên bang Nga ngày càng được tăng cường với bốn lĩnh vực trụ cột gồm thương mại, dầu tu, dầu khí và năng lượng. Ngành thăm dò, khai thác dầu khí giữa hai nước diễn ra rất mạnh mẽ, hiệu quả. Thị trường du lịch được mở rộng không ngừng. Nga thuộc 10 thị trường có khách du lịch đến Việt Nam nhiều nhất, nếu năm 2012 Việt Nam mới đón 176 nghìn lượt khách du lịch Nga, thì năm 2017 con số

⁶ *Quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga (1991-2005)*, <http://www.hcmup.edu.vn/index.php?view=article&catid=1513%3Avid-nam-hin-i&id=2201%3Aquan-he-viet-nam-lien-bang-Nga-1991-2000&tmpl=component&print=1>

⁷ *Tuyên bố chung về kết quả chuyến thăm chính thức LB Nga của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng*, <https://www.nhandan.com.vn/chinhtri/item/37555802-tuyen-bo-chung-ve-ket-qua-chuyen-tham-chinh-thuc-lb-nga-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong.html>

này là 570 nghìn lượt, năm 2018 và 2019 đã vượt con số năm 2017⁸.

Đặc biệt, cuối tháng 5/2015, tại Kazakhstan, Việt Nam và 5 nước thành viên trong Liên minh Kinh tế Á - Âu, (tiền thân là Liên minh Hải quan) là Nga, Armenia, Belarus, Kazakhstan và Kyrgyzstan đã chính thức ký Hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á - Âu, đã mở ra triển vọng hợp tác phát triển sâu sắc về kinh tế giữa hai bên.

Bên cạnh đó, *hợp tác trong các lĩnh vực quốc phòng - an ninh, văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ...* giữa hai bên đã phát triển ngày càng mạnh mẽ cả chiều rộng và chiều sâu. Đặc biệt, hiện nay sự phối hợp hành động giữa hai nước trong lĩnh vực quân sự và kỹ thuật - quân sự đã phân ánh sự tin cậy rất cao giữa hai nước. Sự hợp tác trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo đã đạt một dấu ấn nổi bật. Từ những năm 1950, nhiều cán bộ Việt Nam đã đến học tập tại Liên Xô, phần lớn đều được cấp học bổng của Chính phủ Nga với kinh phí khoảng 1.000 USD/1 năm. Năm 2019 là năm “hợp tác, giao lưu chéo” giữa hai nước, năm Việt Nam tại Nga và năm Nga tại Việt Nam⁹.

⁸ *Thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Liên bang Nga*, <https://baonga.com/hop-tac-ngua-viet.nd368/thuc-day-quan-he...lien-bang-nga-1100534.html>.

⁹ Bài phát biểu của Đại sứ Nga tại Viện Hàn lâm Khoa học - xã hội Việt Nam, ngày 02/11/2018, tr. 7, 8.

2. Vấn đề thực hiện các điều ước quốc tế song phương đã ký kết giữa hai nước từ năm 2001 đến năm 2018

2.1. *Tình hình và kết quả thực hiện các điều ước quốc tế song phương đã ký kết giữa hai nước Việt - Nga từ năm 2001 đến 2018*

Theo thống kê của Bộ Ngoại giao Việt Nam, từ năm 2001 (năm hai nước ký Hiệp định đối tác chiến lược) đến năm 2018, hai nước Việt Nam - Liên bang Nga đã ký kết nhiều điều ước, trong đó đang có hiệu lực (56), chờ phê duyệt (01) của các Bộ Công An (04), Công thương (15), Giáo dục và Đào tạo (3), Khoa học và Công nghệ (7), Lao động Thương binh và xã hội (2), Ngoại giao (7), Quốc phòng (6), Tài chính (8), Tài nguyên và Môi trường (01), Tư pháp (01), Thông tin và Truyền thông (01), Nông nghiệp và phát triển nông thôn (01).

Qua rà soát, đánh giá kết quả thực hiện của các Bộ, Ngành của Việt Nam về 56 điều ước đã ký kết giữa hai nước, phần lớn các ý kiến đều cho rằng, thành tựu hợp tác hai nước là rất lớn lao, có ý nghĩa vô cùng to lớn:

(1) *Các Bộ, Ngành của Việt Nam đều thực hiện có hiệu quả các điều ước quốc tế mà hai bên ký kết.*

Phía Việt Nam đã phối hợp khá chặt chẽ giữa cơ quan chủ trì và các cơ quan liên quan kể từ khâu xây dựng kế hoạch thực hiện điều

ước quốc tế, phân công trách nhiệm và cơ chế phối hợp, tổ chức triển khai thực hiện điều ước quốc tế, triển khai các biện pháp cần thiết kể cả sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm thực hiện điều ước quốc tế đã ký.

(2) *Bộ Ngoại giao Việt Nam đã tích cực đơn đốc, thúc đẩy các Bộ, Ngành thực hiện các Điều ước quốc tế ký kết với Liên bang Nga.* Hàng năm, Bộ Ngoại giao Việt Nam còn phối hợp với phía Nga xây dựng Danh mục kiểm tra nhiệm vụ ưu tiên nhằm giám sát, thúc đẩy triển khai các điều ước quốc tế quan trọng.

(3) *Trong lĩnh vực kinh tế như hợp tác thăm dò địa chất, khai thác dầu khí; thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam với Liên minh Kinh tế Á- Âu (EAEU FTA); hợp tác thương mại, đầu tư, sản xuất công nghiệp... đều phát triển mạnh mẽ, không ngừng, đem lại hiệu quả về kinh tế lớn lao cho cả hai nước.*

Hai nước đã đạt được những thành tựu to lớn về hợp tác kinh tế như *thương mại hai chiều đã không ngừng tăng trưởng đáng kể, trao đổi thương mại hai bên năm 2001 đạt trên 500 triệu USD, năm 2008 đạt trên 1,6 tỉ USD; năm 2016 đạt 2,7 tỉ USD, năm 2017 tăng lên mức 3,55 tỉ USD và năm 2018 vừa qua đạt 4,5 tỉ USD¹⁰, trong đó Việt Nam luôn*

xuất siêu. Về đầu tư, Nga đứng thứ 23/129 quốc gia và lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam, lũy kế tính đến 20/11/2018, Nga đã đầu tư vào Việt Nam 121 dự án, với số vốn đăng ký lên đến 932,307 triệu USD. Còn đầu tư của Việt Nam sang Nga gần đây tăng nhanh, từ hơn 100 triệu USD (năm 2008), hiện nay Việt Nam có 18 dự án đầu tư tại Nga với tổng số vốn đầu tư trên 3 tỉ USD, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực dầu khí, thương mại, nông nghiệp.

Về hợp tác hai nước trong thăm dò, khai thác dầu khí, liên doanh Vietsovpetro đến nay đã khai thác 229 triệu tấn dầu thô từ lô 09-1, thu gom và vận chuyển về bờ trên 33 tỉ mét khối khí đồng hành, doanh thu bán dầu đạt gần 78 tỉ USD, nộp ngân sách Nhà nước và lợi nhuận phía Việt Nam trên 48 tỉ USD, lợi nhuận về phía Liên bang Nga trên 11 tỉ USD. Hai nước đang hợp tác sản xuất ô tô tại Việt Nam nhằm phục vụ thị trường trong nước và định hướng xuất khẩu sang nước thứ ba, trước hết là các nước Đông Nam Á với tỉ lệ nội địa hóa khoảng 40%.

(4) *Vai trò của Ủy ban liên chính phủ Việt - Nga về hợp tác kinh tế - thương mại và khoa học - kỹ thuật là rất to lớn, thúc đẩy việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế mà điều ước quốc tế giữa hai bên đã ký kết. Trải qua 21 khóa họp của Ủy ban liên chính phủ, hai nước đã đưa*

¹⁰ Nguyễn Hoàng, Hợp tác kinh tế - Điểm sáng trong quan hệ hữu nghị Việt Nam-LB Nga, <http://baochinhphu.vn/Doi-ngoai/Hon-tac-kinh-te->

ra những vấn đề còn tồn tại, những kiến nghị, giải pháp nhằm thúc đẩy sự hợp tác giữa hai nước trong các lĩnh vực: chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại, đầu tư, công nghiệp, năng lượng, khoa học, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, du lịch, giao thông vận tải, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, hợp tác giữa các địa phương và doanh nghiệp hai nước.

(5) Trong 56 điều ước đã ký kết giữa hai bên, hợp tác địa phương là một điểm sáng trong quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt- Nga. Trong giai đoạn 2001-2018, thông qua việc ký kết các thỏa thuận quốc tế, nhiều cấp quan hệ địa phương của Việt Nam và Nga đã được thành lập, đang triển khai tích cực các lĩnh vực hợp tác với nhau và đã mang lại những kết quả thực chất, rất đáng ghi nhận.

(6) Các lĩnh vực hợp tác truyền thống khác như an ninh - quốc phòng, giáo dục - đào tạo, khoa học, văn hóa... đã tiếp tục được củng cố và mở rộng, một số văn bản thỏa thuận đang được các Bộ, ngành hai nước tích cực thúc đẩy đàm phán, ký kết và thực hiện có hiệu quả cao. Nhìn chung, các Bộ, ngành, địa phương đều tuân thủ nguyên tắc trình tự, thủ tục ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế đã ký kết, phối hợp với Đại sứ quán Việt Nam tại Liên bang Nga trong việc ký kết và triển khai các điều ước. Ngoài ra, các Bộ, Ngành, địa phương còn phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao, Bộ Tư

pháp trong việc lấy ý kiến kiểm tra, ý kiến thẩm định điều ước quốc tế, rà soát, đánh giá tính tương thích giữa dự thảo điều ước quốc tế với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định về cùng lĩnh vực, đánh giá tính tương thích giữa các đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật với nội dung dự thảo văn bản quy phạm pháp luật với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên...

(7) Trong lĩnh vực an ninh quốc phòng, hai bên đã đạt được những hợp tác, thỏa thuận với kết quả rất to lớn. Cho đến nay, lĩnh vực trang bị vũ khí, khí tài, kỹ thuật quân sự của Việt Nam được phía Nga cung cấp đến 90%. Sự hợp tác đối tác chiến lược toàn diện trên lĩnh vực này vẫn tiếp tục được phát triển sâu sắc, toàn diện không ngừng.

(8) Riêng lĩnh vực hợp tác khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã ký kết 9 điều ước quốc tế với Liên bang Nga trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam như: đo lường - tiêu chuẩn - chất lượng (năm 2001), sử dụng năng lượng hạt nhân vì mục đích hòa bình và an toàn hạt nhân (các năm 2002, 2011, 2012), sở hữu trí tuệ (các năm 2008, 2010), nghiên cứu sử dụng khoảng không vũ trụ vào mục đích hòa bình (năm 2012) và đối tác chiến lược giáo dục, khoa học và công nghệ (năm 2014). Đánh giá về kết quả thực hiện các điều ước quốc tế hai bên đã ký kết, phía Việt Nam cho rằng việc thực hiện rất tốt, đi vào thực chất, hiệu

quả, nhằm phối hợp chặt chẽ, sâu sắc giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với các bộ, ngành và địa phương trong việc triển khai hoạt động các dự án, tăng cường năng lực về khoa học và công nghệ cho các cơ sở nghiên cứu, trường Đại học, doanh nghiệp trong nước, từ đó giúp Việt Nam có nhiều cơ hội tiếp cận, chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi thông tin khoa học và công nghệ với đối tác Liên bang Nga, góp phần đưa khoa học và công nghệ của Việt Nam tiếp cận trình độ khu vực và thế giới.

2.2. Những hạn chế, vướng mắc, tồn tại và nguyên nhân

(1) Các bộ, ngành, địa phương còn chậm triển khai các thỏa thuận hai bên đã ký kết.

(2) Sự phối hợp trong việc cập nhật thông tin tình trạng đàm phán các văn kiện chưa được thường xuyên, chưa được chú trọng đề cao. Đại sứ quán Việt Nam tại Liên bang Nga ít nhận được thông tin, không kịp thời, đầy đủ những kế hoạch thực hiện, kế hoạch sửa đổi, ký mới, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật kèm theo. Do đó Đại sứ quán cũng gặp khó khăn khi thúc đẩy ký kết văn bản, đặc biệt trước thềm các chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao.

(3) Một số điều ước quốc tế đã ký với Nga, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế gặp nhiều khó khăn trong triển khai. Nguyên nhân chính do các cơ quan chủ trì chưa đánh giá hết các tác động khi đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, như các điều ước quốc tế về hợp tác xây dựng nhà máy lọc dầu Dung

Quất, nhà máy Điện hạt nhân Ninh Thuận I... Ngoài ra, việc các tập đoàn nhà nước được chuyển giao về Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước đang làm phát sinh một số vướng mắc trong triển khai các điều ước quốc tế liên quan đến tập đoàn nhà nước do các điều ước quốc tế trước đây do các bộ, ngành chủ quản đàm phán, ký kết và triển khai.

(4) Việc đàm phán, ký kết và tổ chức các điều ước quốc tế phụ thuộc rất nhiều vào sự sẵn sàng của các bên triển khai thực hiện, đặc biệt liên quan đến nguồn lực, tài chính triển khai các dự án đầu tư ưu tiên của Nga. Hiện nay có 17 dự án đầu tư ưu tiên với Nga, trong đó 4 dự án chưa tìm được đối tác Việt Nam, 1 dự án cung cấp máy bay Sukhoi Superjet và 1 dự án về xây dựng khu công nghiệp nhẹ tại Nga không triển khai được. Một số dự án trong khuôn khổ của tổ công tác hợp tác Việt - Nga cũng đã bị tác động mạnh bởi lệnh cấm vận của Hoa Kỳ và EU, áp dụng từ đầu năm 2018 đến nay.

(5) Ngân sách của Việt Nam còn hạn hẹp, chưa đáp ứng về tài chính trong triển khai các đề án. Nguồn nhân lực khoa học và công nghiệp của Việt Nam chưa thực sự đổi mới năng lực để đề xuất xây dựng các dự án nghiên cứu và triển khai mang tầm quốc tế. Do cơ sở vật chất, kỹ thuật không đồng bộ, môi trường làm việc không chuyên nghiệp, thiếu cán bộ đầu đàn, nhân viên kỹ thuật đã lớn tuổi nên gặp rất nhiều khó khăn trong triển khai thực hiện các đề án.

(6) Do có nhiều thay đổi trong hệ thống giáo dục hai nước, do luật giáo dục của Nga cũng thay đổi, việc cập nhật bổ sung cho phù hợp không được triển khai kịp thời để sửa đổi các văn bản cho phù hợp, vì vậy đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai các điều ước quốc tế hai bên đã ký kết.

(7) Còn có những bất cập, những xử lý khác nhau giữa hai bên Việt - Nga trong việc thu thuế thu nhập cá nhân của lao động người Nga tại liên doanh dầu khí Vietsovpetro. Và hai bên Việt - Nga cũng có những thực hiện khác nhau trong việc cung cấp ưu đãi hàng hóa và dịch vụ do Nga sản xuất, tương tự với hàng hóa, dịch vụ được sản xuất tại Việt Nam

2.3. Các kiến nghị, đề xuất và giải pháp

(1) Cần phát huy các cơ chế hiện có giữa hai nước như Ủy ban liên chính phủ, Ủy ban liên nghị viện Việt - Nga, nhằm thúc đẩy đàm phán, triển khai, rà soát, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các điều ước quốc tế. Không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động và vai trò của cơ chế này.

(2) Cần đẩy mạnh công tác thông tin, bổ sung, sửa chữa, cập nhật các điều khoản, nội dung của điều ước quốc tế giữa các bộ,

ngành, địa phương, sứ quán Việt Nam tại Liên bang Nga (phía Việt Nam), và giữa Việt Nam với Liên bang Nga (song phương) nhằm nâng cao chất lượng hoạt động và kết quả tốt nhất với các điều ước quốc tế đã ký kết.

(3) Cần có cơ chế linh hoạt cho việc đàm phán các điều ước quốc tế có điều khoản chưa hoàn toàn tương thích với luật pháp hiện hành của Việt Nam, nhưng có lợi cho Việt Nam (như dự thảo Hiệp định về điều kiện đi lại của công dân hai nước. Phía Nga đề xuất đơn giản hóa thủ tục cấp thị thực, cấp thị thực nhiều lần với thời hạn 5 năm cho một số đối tượng công dân Việt Nam, trên cơ sở có đi có lại...).

(4) Thông qua kênh ngoại giao để thúc đẩy mạnh mẽ sự hợp tác, phát triển của các ngành như kinh tế, văn hóa, giáo dục, an ninh, quốc phòng, giao thông, tài chính, du lịch, lao động... của Việt Nam.

(5) Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý, sửa đổi bổ sung các quy định về ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế theo hướng đảm bảo thủ tục, trình tự thuận lợi, làm rõ thẩm quyền trách nhiệm của cơ quan chủ trì, đề xuất các điều ước quốc tế mới, phối hợp chặt chẽ các cơ quan bộ, ngành, địa phương... trong triển khai, đánh giá, kiểm tra.